Người ký: Văn phòng Ủy ban nhân dân
Email: vanthu.ubnd@thainguyen.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Thái Nguyên
Thời gian ký: 27.12.2018 08:57:50 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3979 /QĐ-UBND	*Thái Nguyên, ngày 25 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(có Danh mục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh: đ/c Trường;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT2b.

Trang.26/12

CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Bắc

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3979/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2018 của UBND tỉnh Thái Nguyên)

1. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
I	**Lĩnh vực Đầu tư tại Việt Nam**	
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	
17	Giãn tiến độ đầu tư	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	
25	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài	
II	**Lĩnh vực Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)**	
1	Thủ tục thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án ODA	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
2	Thủ tục thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu của dự án ODA, đối với các dự án ODA do UBND tỉnh trực tiếp làm chủ đầu tư	
3	Thủ tục thẩm định Kết quả đấu thầu dự án ODA, đối với các dự án ODA do UBND tỉnh trực tiếp làm chủ đầu tư	
4	Thủ tục thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án ODA đối với các dự án ODA không có cấu phần xây dựng	
III	**Lĩnh vực Xây dựng cơ bản**	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
1	Thủ tục Thẩm định chủ trương đầu tư, nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ngân sách	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
2	Thủ tục thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	
3	Thủ tục thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	
4	Thủ tục thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	
IV	**Lĩnh vực Viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO)**	
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt các chương trình, dự án NGO	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
V	**Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp**	
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần .	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	
24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	
32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
	TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	
38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	
39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	
41	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	
42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	
44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	
45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	
46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	
48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	
50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	
51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	
52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	
53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	
54	Giải thể doanh nghiệp	
55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	
56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	
58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	
60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	
V	**Lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã.**	
1	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	
4	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
	nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Kế hoạch và Đầu tư** Địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	
16	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã)	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã	

2. Thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
I	**Lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh**	
01	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện**
02	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
03	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
04	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
05	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanhn	
II	**Lĩnh vực thành lập và hoạt động hợp tác xã**	
1	Đăng ký hợp tác xã	**Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của UBND cấp huyện**
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)	
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi	

STT	Tên thủ tục hành chính	Địa điểm thực hiện
	nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	